

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

GÓI THẦU:

MUA SẮM BỘ ẨM PHẨM TẾT NĂM 2027 CỦA SATRA

DỰ TOÁN:

MUA SẮM BỘ ẨM PHẨM TẾT NĂM 2027 CỦA SATRA

CHỦ ĐẦU TƯ:

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Năm 2026

Mẫu số 7.1 Mẫu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Số hiệu gói thầu:
Tên gói thầu: Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA
Dự toán mua sắm: Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA
Phát hành ngày: Ngày 15 tháng 9 năm 2026
Ban hành kèm theo Quyết định 472/QĐ-TCT.....

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP HSYC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ
ĐẦU TƯ ĐẠI BẢO



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Bích Chi

TP.HCM, ngày 15 tháng 9 năm 2026

CHỦ ĐẦU TƯ Linh

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN -
TNHH MỘT THÀNH VIÊN



LÂM QUỐC THANH
TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

- A. Khái quát
- B. Chuẩn bị HSĐX
- C. Nộp và mở HSĐX
- D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu
- E. Trao Hợp đồng

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX

Chương III. Biểu mẫu

- Mẫu số 1. Đơn chào hàng
- Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
- Mẫu số 4. kê khai thông tin về nhà thầu
- Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh
- Mẫu số 6. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện
- Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu
- Mẫu số 8. Kê khai năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
- Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
- Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu
- Mẫu số 11. Biểu chào giá
- Mẫu số 12. Biểu giá và Lịch hoàn thành – Các dịch vụ liên quan
- Mẫu số 13. Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất
- Mẫu số 14. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Chương IV. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương VI. Kiểm tra và thử nghiệm

Chương VII. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC

Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh

HSĐX

Hồ sơ đề xuất

VND

Đồng Việt Nam

Chương I

CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Chủ đầu tư phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau:

- Tên gói thầu: Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Mua sắm lịch 2027, thiệp xuân, bao lì xì thông thường, bao lì xì VIP.

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: 25 ngày.

2. **Nguồn vốn:** Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

3. ~~Tư cách hợp lệ của nhà thầu~~

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan và tài liệu chứng minh

4.1 “Hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư;

4.2 “Xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

4.3 Yêu cầu khác về tính hợp lệ của hàng hóa : *Không yêu cầu.*

4.4 Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục này thì nhà thầu phải hoàn chỉnh mẫu kê khai xuất xứ trong các Biểu mẫu tương ứng quy định tại Chương III- Biểu mẫu.

a) Để chứng minh tính phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp tài liệu sẽ trở thành một phần của HSDX và là bằng chứng chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật nêu ở Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

b) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ có thể là hồ sơ giấy tờ, bản vẽ hoặc số liệu và phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng căn bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

c) Nhà thầu cũng phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng, v.v... cần thiết để đảm bảo sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định 365 ngày sau khi Chủ đầu tư bắt đầu sử dụng hàng hóa .

d) Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình, vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư nêu ra trong Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu hàng hóa khác và/hoặc số catalogue khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo sự tương đương căn bản hoặc thậm chí cao hơn so với thông số theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

B. CHUẨN BỊ HSDX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSDX

HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa nhà thầu với Chủ đầu tư được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Tài liệu kèm theo (catalogue, tính năng kỹ thuật...) trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSDX

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số 3;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của Hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4;
- Các nội dung khác: (nếu có)

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

9. Giá dự thầu, biểu giá và giảm giá (nếu có)

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Danh mục hàng hóa .

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo từng biểu giá quy định tại Mẫu số 11, 12.

10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán: VND

11. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm danh mục hàng hóa cung cấp, tiến độ cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả chi tiết hàng hóa nhằm chứng minh tính phù hợp của hàng hóa theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

- Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

- Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu: Không yêu cầu Giấy phép/Giấy uỷ quyền bán hàng của nhà sản xuất (Mẫu số 13)

13. Thời hạn hiệu lực của HSDX

13.1 HSDX phải có hiệu lực trong 60 ngày. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX

14. Bảo đảm dự thầu

14.1 Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được thực hiện theo Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại.

b) Thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh.

Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu.

14.2 Nội dung và yêu cầu về bảo đảm dự thầu:

a) Hình thức: Nhà thầu chọn 1 trong 2 hình thức bên dưới:

- Thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành; Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

+ Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 14.2;

+ Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh;

- Cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 14.2 HSYC (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu)

b) Giá trị bảo đảm dự thầu: 24.900.000 VND

c) Hiệu lực bảo đảm dự thầu: 90 ngày.

14.3 Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định, không đúng tên Chủ đầu tư (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ.

14.4 Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

14.5 Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

c) Nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả

15. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

15.1 Nhà thầu phải chuẩn bị một bộ HSDX gốc và ghi rõ “BẢN GỐC”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp 02 bản chụp của HSDX và phải ghi rõ “BẢN CHỤP”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

15.2 Bản gốc của HSDX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

15.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

15.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

C. NỘP VÀ MỞ HSDX

16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
- b) Ghi tên người nhận là Chủ đầu tư: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, địa chỉ: Số 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh;
- c) Ghi tên gói thầu: Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước ... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm (thời gian đóng thầu);

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Chủ đầu tư, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Chủ đầu tư cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

17. Thời hạn nộp HSDX

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu : trước 15. giờ 00 phút, ngày 22 tháng 9. năm 2026

18. HSDX nộp muộn

Chủ đầu tư sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Chủ đầu tư nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

19. Mở HSDX

Sau thời điểm đóng thầu, Chủ đầu tư tiến hành mở các HSDX và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của HSDX; giá trị, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp HSDX.

D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU

20. Giải thích làm rõ HSDX

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 03 ngày, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Chủ đầu tư để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Chủ đầu tư phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDX.

21. Đánh giá các HSDX

Chủ đầu tư sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1, Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Khi Chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSĐX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Chủ đầu tư thì HSĐX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

23. Hiệu chỉnh sai lệch

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSĐX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSĐX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSĐX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà

thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Chủ đầu tư thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại

24. Thương thảo về hợp đồng

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,
- b) ~~Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau~~ khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Chủ đầu tư báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;
- c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;
- c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;

25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;

c) Giá trúng thầu;

d) Loại hợp đồng;

đ) Thời gian thực hiện hợp đồng;

e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;

g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;

h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

E. TRAO HỢP ĐỒNG

27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy

định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 14.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Bước 1: Kiểm tra HSĐX, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSĐX;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;—
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phân công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;
- i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1. Năng lực tài chính						
1.1	Doanh thu bình quân hàng năm	Doanh thu bình quân hàng năm là 2.308.792.000 VNĐ, trong vòng 3 năm trở lại đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9
1.2	Tình hình tài chính lành mạnh	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh trong 03 năm tài chính gần nhất. a) Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn > 1; b) Giá trị ròng phải ≥ 0; c) Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 9
2. Kinh nghiệm						
2.1	Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính có liên quan đến việc thực hiện gói thầu tối thiểu là 05 năm trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
2.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 03 năm gần đây, tính đến thời điểm đóng thầu: <i>Trong đó hợp đồng tương tự là:</i> - Có tính chất tương tự: Cung cấp Lịch Bloc cực đại; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 831.165.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)
					Mẫu số 6

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chuẩn chấp nhận được nhưng không được vượt quá 3 tiêu chuẩn tổng quát trong tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, tính hợp lệ:		
1.1 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu theo bảng yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa tại chương V mục 2.2 “yêu cầu kỹ thuật”.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
1.2 Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa thiết bị.	Có đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu: Thuyết minh hoặc Catalogue thể hiện rõ các thông số kỹ thuật.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Có biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và phù hợp với yêu cầu HSYC.	Đạt
	Không có biện pháp tổ chức cung cấp-hàng hóa hợp lý và phù hợp với yêu cầu HSYC.	Không đạt
3. Tiến độ thực hiện gói thầu		
3.1 Tiến độ thực hiện hợp đồng (thời gian thực hiện hợp đồng)	Đề xuất thời gian thực hiện không vượt quá 25 ngày.	Đạt
	Đề xuất thời gian thực hiện vượt quá 25 ngày.	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
3.2 Bảng tiến độ chi tiết trong đó phải thể hiện rõ: + Thời gian trình mẫu và chỉnh sửa (nếu có); + Thời gian sản xuất và tập kết đến địa điểm giao hàng; + Thời gian nghiệm thu bàn giao;	Đáp ứng theo yêu cầu.	Đạt
	Không đáp ứng theo yêu cầu.	Không đạt
4. Yêu cầu khác		
Bản vẽ	Nhà thầu có bản vẽ thiết kế nộp kèm HSĐX theo thông số kỹ thuật tại chương V của các hàng hóa tham dự thầu.	Đạt
	Nhà thầu không có bản vẽ thiết kế nộp kèm HSĐX theo thông số kỹ thuật tại chương V của các hàng hóa tham dự thầu hoặc có bản vẽ thiết kế nộp kèm HSĐX của các hàng hóa tham dự thầu nhưng không đáp ứng theo yêu cầu của HSĐX.	Không đạt
HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.		

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSĐX để xác định giá thấp nhất.

Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên HSYC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của _____ với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết nhưng thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực;

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Chủ đầu tư..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới

ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSĐX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] do ____ [Ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ [Ghi cụ thể phân công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>
3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: • Tự chủ về pháp lý và tài chính • Hoạt động theo luật doanh nghiệp
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i>
Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> ☐ Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. ☐ Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[Ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND hoặc USD [Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]	
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[Ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND hoặc USD [Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
Tên dự án:	[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên chủ đầu tư:	[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			

Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Loại hàng hóa	[Ghi thông tin phù hợp]
2. Về giá trị	[Ghi số tiền quy đổi ra VND hoặc USD]
3. Về quy mô thực hiện	[Ghi quy mô theo hợp đồng]
4. Các đặc tính khác	[Ghi các đặc tính khác nếu cần thiết] –

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1). Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.
- (2). Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH

1. Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

a) Sản xuất:

- _____⁽²⁾ từ năm: _____ đến năm: _____

- _____ từ năm: _____ đến năm: _____

...

b) Kinh doanh:

- _____⁽³⁾ từ năm: _____ đến năm: _____

- _____ từ năm: _____ đến năm: _____

...

3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong _____⁽⁴⁾ năm gần đây:

a) Sản xuất:

b) Kinh doanh:

4. Tổng số lao động hiện có:

a) Trong lĩnh vực sản xuất:

Trong đó, cán bộ chuyên môn:⁽⁵⁾

b) Trong lĩnh vực kinh doanh:

Trong đó, cán bộ chuyên môn:⁽⁵⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2). Ghi lĩnh vực sản xuất chính (3). Ghi lĩnh vực kinh doanh chính

(4). Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường từ 3 đến 5 năm; đối với gói thầu quy mô nhỏ thì có thể quy định ít hơn 3 năm trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của dự án).

(5). Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu cụ thể về cán bộ chuyên môn như: số lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ chuyên môn...

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định Chương II].

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;
4. Báo cáo kiểm toán;
5. Các thông lệ khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐX, nhà thầu có văn bản rút HSĐX hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSĐX theo yêu cầu của HSYC;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 14.2 HSYC, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 14.2 HSYC.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại HSYC và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/ TBMT số ____ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX, nhà thầu có văn bản rút HSDX hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSYC;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14.5 HSYC thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết

hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 14.2 HSYC, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSYC, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong HSDX đáp ứng yêu cầu của HSYC thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 14.2 HSYC.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại HSYC và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Các Mẫu biểu giá

[Nhà thầu phải điền vào các Mẫu Biểu giá theo các chỉ dẫn kèm theo. Danh sách các hạng mục chính trong cột 1 của các Biểu giá phải phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp]

Mẫu số 11

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7) x (9)
1									
2									
3									
Cộng									
Thuế									
Phí (nếu có)									
Tổng cộng									

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Biểu giá và Lịch hoàn thành - Các dịch vụ liên quan

[illegible]

Tên Nhà thầu [điền tên đầy đủ của Nhà thầu] Chữ ký của Nhà thầu [chữ ký của người ký HSDX] Ngày [điền ngày]

Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất

[Nhà thầu phải yêu cầu Nhà sản xuất điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn ở dưới. Thư ủy quyền này phải được in trên giấy có tiêu đề của Nhà sản xuất và có chữ ký của người có thẩm quyền hợp lệ để ký các tài liệu có ý nghĩa ràng buộc đối với Nhà sản xuất. Nhà thầu phải đính kèm Ủy quyền của Nhà sản xuất vào Hồ sơ dự thầu]

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]*

CĂN CỨ VÀO VIỆC

Chúng tôi *[điền tên đầy đủ của Nhà sản xuất]*, là nhà sản xuất chính thức *[điền tên loại hàng hóa được sản xuất]*, có nhà máy tại *[điền địa chỉ đầy đủ của nhà máy]*, tuyên bố ủy quyền cho *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* nộp hồ sơ dự thầu cung cấp những hàng hóa sau đây do chúng tôi sản xuất *[điền tên và/hoặc mô tả ngắn gọn về hàng hóa]*, sau đó đàm phán và ký Hợp đồng.

Chúng tôi xin bảo đảm và bảo hành đầy đủ đối với Hàng hóa do công ty nêu trên chào cung ứng.

Đã ký: *[chữ ký của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Tên: *[điền tên của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Chức vụ: *[điền chức vụ]*

Thứ _____ ngày _____, tháng _____ năm _____ *[điền ngày ký]*

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Đối tượng thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: [điền số Bảo lãnh]

Bên bảo lãnh: [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng _ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện _ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] () [điền số tiền bằng chữ]², theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng, 2...³, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

[chữ ký]

² Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ để chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

³ Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

Chương IV

PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được Chủ đầu tư đưa vào HSYC và phải bao gồm mô tả về các hàng hóa sẽ được cung cấp cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa để hỗ trợ các nhà thầu chuẩn bị HSDX một cách hiệu quả và chính xác khi lập các biểu giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương III. Ngoài ra, Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa với Biểu giá là cơ sở cho việc điều chỉnh hợp đồng.

Ngày giao hàng hoặc thời hạn giao hàng phải được xác định một cách thận trọng, dựa trên những yếu tố sau:

1. Ảnh hưởng của các điều khoản giao hàng quy định trong Hướng dẫn cho Nhà thầu theo các quy tắc Incoterms (ví dụ như EXW, hoặc CIP, FOB, FCA — mà theo đó “giao hàng” được hiểu là khi hàng hóa được chuyển giao cho đơn vị vận chuyển);
2. Ngày giao hàng được tính kể từ khi nhà thầu bắt đầu có nghĩa vụ giao hàng tới Chủ đầu tư (ví dụ như thông báo trao hợp đồng, ký hợp đồng, mở hoặc xác nhận tín dụng thư).

1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

[Chủ đầu tư sẽ điền vào bảng này, ngoại trừ cột "Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu" sẽ do Nhà thầu điền]

Hạng mục chính số	Mô tả hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Điểm giao hàng cuối cùng (Địa điểm Dự án) theo quy định ở BDS	Ngày giao hàng (theo Incoterms)		
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu [Nhà thầu tự điền vào cột này]
1	Lịch Bloc Cục Đại	7.900	Cái	Số 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh	15	25	
2	Thiệp Xuân	500	Cái		15	25	
3	Bao lì xì phổ thông	57.000	Cái		15	25	
4	Bao lì xì VIP	3.000	Cái		15	25	

2. Danh mục các dịch vụ liên quan và lịch hoàn thành⁽¹⁾ (Không có).

[Chủ đầu tư phải điền vào bảng này. Ngày yêu cầu hoàn thành phải thực tế và nhất quán với ngày giao hàng yêu cầu (theo Incoterms)]

Dịch vụ	Mô tả Dịch vụ	Khối lượng ⁽²⁾	Đơn vị tính	
---------	---------------	---------------------------	-------------	--

			Địa điểm nơi thực hiện Dịch vụ	Ngày chính thức hoàn thành Dịch vụ
[điền số hiệu dịch vụ]	[mô tả các dịch vụ liên quan]	[điền khối lượng hạng mục sẽ được cung cấp]	[điền đơn vị tính]	[điền tên địa điểm]
				[điền Ngày hoàn thành yêu cầu]

Ghi chú

- (1) Trường hợp hàng hóa có dịch vụ liên quan đi kèm thì Chủ đầu tư phải kê khai trong Bảng này.
- (2) Trường hợp một số phần của gói thầu có dịch vụ liên quan đi kèm thì Chủ đầu tư phải kê khai cụ thể khối lượng cần thiết.

Chương V
YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

“Tóm tắt Yêu cầu về kỹ thuật. Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các Yêu cầu về kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	SẢN PHẨM	QUY CÁCH KỸ THUẬT
01	Lịch Bloc Cực Đại	1. Khánh lịch (khánh trên) - thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước: 20 x 30 cm (cao x ngang) (± 1 cm) - Yêu cầu thiết kế: + Logo SATRA và dòng chữ: “Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – Saigon Trading Group” ở giữa, nằm ở phía trên + Số 2027 với kích thước phù hợp với tổng thể khánh + Hình dáng khuôn khánh thiết kế hài hòa, vững chãi. - Mặt trước chất liệu: giấy Ivory 250gsm ghép màng Metalite cao cấp. - In ấn công nghệ Metalize 7 màu cao cấp. Chiết quang tạo hiệu ứng tương phản bóng - mờ bằng kỹ thuật UV định vị và UV cát nhám ánh ngọc trai. Ép vân cho nổi khối 3D logo Satra và cụm 2027. - Mặt sau chất liệu: giấy Couche (hoặc tương đương) 250 gsm - Nhuộm đỏ - cán màng bóng. - Bồi ván MDF cao cấp độ dày 3mm. - Cắt lazer thành phẩm. 2. Bìa đệm lịch (khánh dưới) - thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước: 41 x 30 cm (cao x ngang) (± 1 cm) - Yêu cầu thiết kế: - Mặt trước chất liệu: giấy Ivory 250gsm ghép màng Metalize cao cấp. - In ấn công nghệ Metalize 7 màu cao cấp. Chiết quang tạo hiệu ứng tương phản bóng - mờ bằng kỹ thuật UV định vị và UV cát nhám ánh ngọc trai. - Mặt sau chất liệu: giấy Couche (hoặc tương đương) 250gsm - Nhuộm đỏ - cán màng bóng. - Bồi ván MDF cao cấp độ dày 3mm. - Cắt lazer thành phẩm. 3. Bloc lịch thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước Bloc: 26 x 38 cm (ngang x cao), khối lượng tối thiểu 2,18kg - Áo lịch Giấy Ivory 250 gsm ghép màng metalize. In ấn công nghệ Metalize 7 màu cao cấp. Chiết quang tạo hiệu ứng tương phản.

STT	SẢN PHẨM	QUY CÁCH KỸ THUẬT
		- Ruột lịch bloc 365 trang, in 4 màu trên giấy Couche Matt (hoặc tương đương) 60.2 gsm. - Chủ đề bloc lịch: chọn 1 hoặc nhiều chủ đề trong các chủ đề sau: + Tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái vàng + Năng lượng sạch và Công trình biểu tượng xanh + Net Zero, tái chế + Tiêu dùng xanh và Kinh tế tuần hoàn + Hành động vì môi trường và Ứng phó biến đổi khí hậu - Yêu cầu thiết kế: + Hình ảnh chiếm khoảng một nửa phía trên trang lịch, toàn bộ hình ảnh phải là hình chụp, tông màu chủ đạo hình ảnh là màu xanh. 90 ảnh lặp lại trong cả bộ. Các hình ảnh phải được sắp xếp theo bố cục hợp lý của cả cuốn lịch. Một số trang sẽ dùng hình ảnh riêng của đơn vị thành viên do SATRA cung cấp, tổng số trang không quá 15 trang. (Những trang này không cần theo chủ đề bloc lịch) + Thông tin về hình ảnh của từng trang và đơn vị thành viên nằm ở bên tay phải trang lịch, thông tin phải chuẩn chỉnh, chính xác với địa giới mới sau sáp nhập. + Logo SATRA ở từng trang lịch, kích thước phù hợp với tổng thể. Cụm 10 logo đơn vị thành viên nằm dưới chân trang. + Bộ số nằm ở nửa bên dưới trang lịch, bố cục phù hợp. - Nhà thầu chịu trách nhiệm về bản quyền hình ảnh. - Màu sắc ruột lịch tươi sáng, bộ số ngày rõ ràng, in logo đúng màu trên từng tờ lịch (trừ các ngày Lễ theo quy định của Luật Xuất bản) - Nẹp thiếc nhưng chữ U gắn trên đầu cuốn lịch. Trên nẹp in chữ “Vạn Sự Như Ý” - Lịch khi sử dụng không bị cong. 4. Thành phẩm: - Bắt bloc cố định vào bìa đệm bằng 2 ốc âm dương và nẹp nhưng chữ U. Dây treo xỏ vào Khánh lịch (khánh trên). 5. Hộp đựng lịch dạng tích hợp - thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước 42 x 32 x 4 cm (cao x rộng x sâu) (± 1 cm) - Chất liệu giấy Duplex 250gsm, in 4 màu 1 mặt, cán màng bóng hoặc mờ, bồi carton sóng E cao cấp. Bề dán thành phẩm. - Hộp có 2 dây bấm đầu màu đỏ chắc chắn chịu được trọng lượng bộ lịch. - Yêu cầu thiết kế: + Logo SATRA và dòng chữ: “Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – Saigon Trading Group” ở giữa, nằm ở phía trên

STT	SẢN PHẨM	QUY CÁCH KỸ THUẬT
		+ Thiết kế của hợp lịch phù hợp với tổng thể của khánh lịch, tạo thành sự thống nhất trong thiết kế.
02	Thiệp Xuân	- Kích thước thiệp: 18 x 12 cm (cao x ngang). Dạng thiệp 1 lá (không gấp đôi), chất liệu giấy Bristol 350 gsm. In 4 màu 2 mặt, cán màng mờ 1 mặt bên ngoài. - Kích thước bao thiệp: 19 x 13 cm (cao x ngang), chất liệu giấy Couche 150gsm. In 4 màu 1 mặt, cán màng mờ 1 mặt bên ngoài, bế dán thành phẩm. - Sắc màu tươi tắn, phù hợp mùa Xuân - Mẫu thiết kế ấn tượng, sang trọng. - In logo mặt trước
03	Bao lì xì phổ thông	- Kích thước: 17 x 9 cm (cao x ngang), chất liệu giấy Couche (hoặc tương đương) 150 gsm, cán màng mờ 1 mặt bên ngoài. - Sắc màu tươi tắn, phù hợp mùa Xuân, không thể hiện năm, không thể hiện linh vật của năm - Bộ lì xì gồm 4 mẫu thiết kế, bỏ bìch nilon 8 cái/bịch (mỗi mẫu 2 cái) - In logo SATRA mặt trước
04	Bao lì xì VIP	- Kích thước: 17 x 9 cm (cao x ngang), chất liệu giấy Couche (hoặc tương đương) 150 gsm, cán màng nhung 1 mặt bên ngoài. - Sắc màu tươi tắn, phù hợp mùa Xuân, không thể hiện năm, không thể hiện linh vật của năm - Mẫu thiết kế ấn tượng, sang trọng. - Bộ lì xì 1 mẫu thiết kế, bỏ bìch nilon 10 cái/bịch. - In logo SATRA mặt trước

Ghi chú:

- Gửi mẫu thiết kế (in màu trên giấy trắng, không cần trên đúng chất liệu) kèm theo hồ sơ thầu

Chương VI

KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: **Không yêu cầu.**

1.
2.
3.

Chương VII
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG
Mua sắm bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA
Số:

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.
- Căn cứ Luật thương Mại Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2005 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2006.
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;
- Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TCT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc phê duyệt Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm “Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA”;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-TCT ngày tháng năm 2026 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói thầu: Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA thuộc Dự toán mua sắm: “Mua sắm Bộ ấn phẩm Tết năm 2027 của SATRA”;
- Căn cứ Hồ sơ đề xuất của ;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-TCT ngày tháng năm 2026 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn

- Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi gồm có:

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đã có VAT)	THÀNH TIỀN (Đã có VAT)
I. Lịch Bloc Cục Đại 1. Khánh lịch (khánh trên) - thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước: 20 x 30 cm (cao x ngang) (± 1 cm) - Yêu cầu thiết kế: + Logo SATRA và dòng chữ: "Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – Saigon Trading Group" ở giữa, nằm ở phía trên + Số 2027 với kích thước phù hợp với tổng thể khánh + Hình dáng khuôn khánh thiết kế hài hòa, vững chãi. - Mặt trước chất liệu: giấy Ivory 250gsm ghép màng Metalite cao cấp. - In ấn công nghệ Metalize 7 màu cao cấp. Chiết quang tạo hiệu ứng tương phản bóng - mờ bằng kỹ thuật UV định vị và UV cát nhám ánh ngọc trai. Ép vân cho nổi khối 3D logo Satra và cụm 2027. - Mặt sau chất liệu: giấy Couche (hoặc tương đương) 250 gsm - Nhuộm đỏ - cán màng bóng. - Bồi ván MDF cao cấp độ dày 3mm. - Cắt lazer thành phẩm. 2. Bìa đệm lịch (khánh dưới) - thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước: 41 x 30 cm (cao x ngang) (± 1 cm) - Yêu cầu thiết kế: - Mặt trước chất liệu: giấy Ivory 250gsm ghép màng Metalize cao cấp. - In ấn công nghệ Metalize 7 màu cao cấp. Chiết quang tạo hiệu ứng tương phản bóng - mờ bằng kỹ thuật UV định vị và UV cát nhám ánh ngọc trai.	7.900		

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đã có VAT)	THÀNH TIỀN (Đã có VAT)
- Mặt sau chất liệu: giấy Couche (hoặc tương đương) 250gsm - Nhuộm đỏ - cán màng bóng. - Bồi ván MDF cao cấp độ dày 3mm. - Cắt lazer thành phẩm. 3. Bloc lịch thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước Bloc: 26 x 38 cm (ngang x cao), khối lượng tối thiểu 2,18kg - Áo lịch Giấy Ivory 250 gsm ghép màng metalize. In ấn công nghệ Metalize 7 màu cao cấp. Chiết quang tạo hiệu ứng tương phản. - Ruột lịch bloc 365 trang, in 4 màu trên giấy Couche Matt (hoặc tương đương) 60.2 gsm. - Chủ đề bloc lịch: chọn 1 hoặc nhiều chủ đề trong các chủ đề sau: + Tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái vàng + Năng lượng sạch và Công trình biểu tượng xanh + Net Zero, tái chế + Tiêu dùng xanh và Kinh tế tuần hoàn + Hành động vì môi trường và Ứng phó biến đổi khí hậu - Yêu cầu thiết kế: + Hình ảnh chiếm khoảng một nửa phía trên trang lịch, toàn bộ hình ảnh phải là hình chụp, tông màu chủ đạo hình ảnh là màu xanh. 90 ảnh lặp lại trong cả bộ. Các hình ảnh phải được sắp xếp theo bố cục hợp lý của cả cuốn lịch. Một số trang sẽ dùng hình ảnh riêng của đơn vị thành viên do SATRA cung cấp, tổng số trang không quá 15 trang. (Những trang này không cần theo chủ đề bloc lịch) + Thông tin về hình ảnh của từng trang và đơn vị thành viên nằm ở bên tay phải trang lịch, thông tin phải chuẩn chỉnh, chính xác với địa giới mới sau sáp nhập.			

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đã có VAT)	THÀNH TIỀN (Đã có VAT)
+ Logo SATRA ở từng trang lịch, kích thước phù hợp với tổng thể. Cụm 10 logo đơn vị thành viên nằm dưới chân trang. + Bộ số nằm ở nửa bên dưới trang lịch, bố cục phù hợp. - Nhà thầu chịu trách nhiệm về bản quyền hình ảnh. - Màu sắc ruột lịch tươi sáng, bộ số ngày rõ ràng, in logo đúng màu trên từng tờ lịch (trừ các ngày Lễ theo quy định của Luật Xuất bản) - Nẹp thiếc nhưng chữ U gắn trên đầu cuốn lịch. Trên nẹp in chữ “Vạn Sự Như Ý” - Lịch khi sử dụng không bị cong. 4. Thành phẩm: - Bắt bloc cố định vào bìa đệm bằng 2 ốc âm dương và nẹp nhưng chữ U. Dây treo xoắn vào Khánh lịch (khánh trên). 5. Hộp đựng lịch dạng tích hợp - thiết kế theo yêu cầu: - Kích thước 42 x 32 x 4 cm (cao x rộng x sâu) (± 1 cm) - Chất liệu giấy Duplex 250gsm, in 4 màu 1 mặt, cán màng bóng hoặc mờ, bồi carton sóng E cao cấp. Bề dán thành phẩm. - Hộp có 2 dây bấm đầu màu đỏ chắc chắn chịu được trọng lượng bộ lịch. - Yêu cầu thiết kế: + Logo SATRA và dòng chữ: “Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – Saigon Trading Group” ở giữa, nằm ở phía trên + Thiết kế của hộp lịch phù hợp với tổng thể của khánh lịch, tạo thành sự thống nhất trong thiết kế.			

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đã có VAT)	THÀNH TIỀN (Đã có VAT)
II. Thiệp Xuân - Kích thước thiệp: 18 x 12 cm (cao x ngang). Dạng thiệp 1 lá (không gấp đôi), chất liệu giấy Bristol 350 gsm. In 4 màu 2 mặt, cán màng mờ 1 mặt bên ngoài. - Kích thước bao thiệp: 19 x 13 cm (cao x ngang), chất liệu giấy Couche 150gsm. In 4 màu 1 mặt, cán màng mờ 1 mặt bên ngoài, bế dán thành phẩm. - Sắc màu tươi tắn, phù hợp mùa Xuân - Mẫu thiết kế ấn tượng, sang trọng. - In logo mặt trước	500		
III. Bao lì xì phổ thông - Kích thước: 17 x 9 cm (cao x ngang), chất liệu giấy Couche (hoặc tương đương) 150 gsm, cán màng mờ 1 mặt bên ngoài. - Sắc màu tươi tắn, phù hợp mùa Xuân, không thể hiện năm, không thể hiện linh vật của năm - Bộ lì xì gồm 4 mẫu thiết kế, bỏ bịch nilon 8 cái/bịch (mỗi mẫu 2 cái) - In logo SATRA mặt trước	57.000		
IV. Bao lì xì VIP - Kích thước: 17 x 9 cm (cao x ngang), chất liệu giấy Couche (hoặc tương đương) 150 gsm, cán màng nhung 1 mặt bên ngoài. - Sắc màu tươi tắn, phù hợp mùa Xuân, không thể hiện năm, không thể hiện linh vật của năm - Mẫu thiết kế ấn tượng, sang trọng. - Bộ lì xì 1 mẫu thiết kế, bỏ bịch nilon 10 cái/bịch. - In logo SATRA mặt trước	3.000		
TỔNG GIÁ TRỊ ĐÃ BAO GỒM VAT			

Bảng chữ: (đã bao gồm 8% thuế GTGT)

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm chi phí in ấn, đóng gói, bao bì, thùng carton đựng khi giao hàng, bốc vác hàng, vận chuyển

(i) Bên A cung cấp logo để Bên B in trên sản phẩm và gửi mẫu Bên A duyệt. Bên B có nghĩa vụ sản xuất Sản phẩm theo quy định của Hợp đồng này và không có quyền yêu cầu Bên A phải thanh toán thêm bất kỳ khoản phí nào có liên quan đến việc thiết kế maquette, làm mẫu sản phẩm.

(ii) Bên A được quyền sử dụng mẫu thiết kế của Sản phẩm theo Hợp đồng này để phục vụ cho việc kinh doanh của mình mà không phải trả thêm phí quyền tác giả (nếu có).

(iii) Mẫu Sản phẩm phải được Bên A và Bên B xác nhận (có thể qua email, hoặc hình ảnh qua email, hoặc lưu mẫu, hoặc hình thức khác mà có thể làm chuẩn). Bên A sẽ kiểm tra Sản phẩm của Bên B căn cứ theo mẫu chuẩn này.

Điều 2: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Bên B đảm bảo hàng hóa đạt các tiêu chuẩn dưới đây:

- Về quy cách hàng hoá: đúng theo mô tả ghi ở Điều 1.
- Về nội dung in: đúng theo file khách hàng cung cấp, hoặc bản ký duyệt nội dung

in.

- Lịch sản xuất theo quy cách hợp đồng này, và tiêu chuẩn của mẫu duyệt sản xuất.

Điều 3: LOẠI HỢP ĐỒNG

Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện hợp đồng là 25 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Điều 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

5.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký Văn bản bàn giao chứng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thời gian Bên B giao chứng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A là không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

5.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

5.3. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 6: BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1. Bên B thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng việc nộp chứng thư bảo lãnh của ngân hàng. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% tổng giá trị hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên A chấp thuận.

6.2. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

6.3. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hai bên thanh lý hợp đồng.

6.4. Bên B sẽ không được nhận lại khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực hoặc vi phạm hợp đồng sau khi hợp đồng này được 02 bên ký kết.

Điều 7: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Địa điểm giao hàng: tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một Thành Viên (Số 257B Phạm Ngũ Lão, Phường Bến Thành, TP.HCM) và các đơn vị trực thuộc trên địa bàn TP.HCM. Địa điểm cụ thể sẽ được bên A thông báo sau.

- Tiến độ giao hàng:

+ Bên B sẽ bắt đầu giao hàng kể từ ngày thứ 20 tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Bên B sẽ giao phần còn lại cho Bên A trước ngày thứ 25 tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Việc giao nhận Hàng hóa phải có đại diện của các bên. Bên A có trách nhiệm kiểm tra Hàng hóa tại chỗ. Bên A có quyền kiểm tra chất lượng sản phẩm bằng việc kiểm tra ngẫu nhiên bất kỳ Hàng hóa nào trong đợt hàng đó. Nếu hàng giao không đầy đủ, không đạt yêu cầu về mô tả chất lượng, không giống mẫu đã được Bên A phê duyệt thì Bên A sẽ lập biên bản tại chỗ yêu cầu Bên B xác nhận tình trạng Hàng hóa đã giao; đồng thời Bên A có quyền trả hàng, yêu cầu Bên B thực hiện chỉnh sửa hoặc bổ sung với số lượng tương đương và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh (nếu có) theo thời hạn mà Bên A yêu cầu. Nếu cần thiết, nhân viên nhận hàng của Bên A sẽ lấy mẫu của Hàng hóa được giao làm cơ sở để giải quyết các khiếu nại về chất lượng sau này.

- Việc giao hàng phải được lập thành Biên bản giao nhận hàng hóa có chữ ký của đại diện các bên.

Điều 8: THANH TOÁN

8.1 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo tiến độ như sau:

+ Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền **đồng (Bằng chữ:)** trong vòng 7 ngày làm việc sau khi Bên A nhận đủ: Giấy đề nghị tạm ứng của bên B, Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và văn bản bàn giao chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

+ Đợt 2: Sau khi hai bên đồng ý nghiệm thu khối lượng và giá trị hợp đồng, bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng theo khối lượng và giá trị đã nghiệm thu cho bên B trong vòng 15 – 20 ngày làm việc. Đồng thời, Bên A sẽ thu hồi 100% giá trị tiền Bên A đã tạm ứng cho Bên B.

Hồ sơ thanh toán gồm: Biên bản giao nhận hàng hóa của các bên, biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị thực hiện, biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT của bên B và Giấy đề nghị thanh toán của bên B.

8.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam.

Điều 9: KHIẾU NẠI

9.1 Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận Sản phẩm, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng Sản phẩm và thông báo cho Bên B việc xác nhận tình trạng sản phẩm được chấp nhận theo số lượng, quy cách và chất lượng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Bên A có quyền yêu cầu trả hàng và yêu cầu Bên B thực hiện chỉnh sửa hoặc bổ sung với

số lượng tương đương. Bên B phải bồi thường thiệt hại và mọi chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A.

Bên B phải thay thế Sản phẩm bị khiếm khuyết bằng Sản phẩm mới cùng loại và phải được giao trong thời gian bảy (07) ngày tính từ ngày giao sản phẩm không chất lượng.

9.2 Nếu Bên B không thể giao đủ sản phẩm theo đúng tiến độ quy định tại Điều 3: Cứ mỗi đợt giao chậm tiến độ, Bên B chịu phạt 1% trên tổng giá trị của đợt hàng đó theo hợp đồng cho một (01) ngày giao trễ nhưng số lượng ngày trễ không quá ba (03) ngày. Nếu quá ba (03) ngày, thì xem như Bên B vi phạm hợp đồng và bị phạt vi phạm hợp đồng theo Khoản 3 Điều 11 của Hợp đồng..

Ngoài việc phạt vi phạm do chậm giao hàng như trên, Bên B còn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và mọi chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A”

Điều 10: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

10.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp ngay khi ký hợp đồng các thông tin và tài liệu cần thiết như hình ảnh, logo và một số thông tin bắt buộc khác để Bên B thực hiện tạo mẫu maquette và color proof trước khi sản xuất và in ấn hàng loạt.

- Cung cấp thời gian, địa điểm giao hàng để Bên B thực hiện nghĩa vụ được nêu tại Hợp Đồng này.

- Cử người nhận hàng theo thời gian và địa điểm quy định tại hợp đồng. Phải thông báo kịp thời cho Bên B về việc thiếu, thừa hoặc sản phẩm không đạt chất lượng nếu phát hiện được trong quá trình nhận hàng.

- Thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, khi Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này.

10.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Thực hiện tạo mẫu theo yêu cầu của Bên A.

- Sản xuất hàng hóa theo số lượng, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng, thời gian, địa điểm đã thỏa thuận theo Hợp Đồng này.

- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung in và bản quyền tác giả theo Quy định của nhà nước.

- Bên B có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Bên A trong trường hợp Bên B không thể giao hàng theo đúng tiến độ mà hai Bên đã thỏa thuận. Trường hợp Bên B giao hàng chậm mà phát sinh thiệt hại và chi phí cho Bên A thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh (nếu có). Ngoài ra, Bên B phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho Bên A. Bên B vẫn có trách nhiệm giao hàng cho Bên A nhưng không được chậm quá 07 ngày kể từ ngày đến hạn giao hàng.

- Bên B cam kết bảo mật mẫu thiết kế maquette của Bên A vô thời hạn kể từ ngày kết thúc Hợp đồng. Bên B không được sử dụng mẫu thiết kế maquette này để in ấn cho bất kỳ đơn vị nào khác hoặc không được nhận in ấn bất kỳ mẫu thiết kế maquette nào có nội dung tương tự với mẫu thiết kế maquette của Bên A với bất kỳ lý do nào.

Điều 11: TẠM NGỪNG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG**11.1 Tạm ngừng thực hiện Hợp Đồng**

- Hợp Đồng có thể được thỏa thuận tạm ngừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng (động đất, hỏa hoạn, bão lụt...) mặc dù các Bên đã cùng nhau áp dụng mọi nỗ lực và biện pháp ngăn chặn nhằm khắc phục sự kiện bất khả kháng.

- Trường hợp Bên B bị ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để tiếp tục Hợp Đồng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng để cùng Bên A dự tính ngày tạm ngừng thực hiện Hợp đồng hoặc dự tính gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng (trong trường hợp hai bên thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng).

11.2 Chấm dứt hợp đồng

- Một Bên có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng. Bên yêu cầu có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại ít nhất là 03 ngày, kể từ thời điểm chấm dứt Hợp đồng

- Trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng sau khi ký Hợp Đồng và không thông báo cho Bên B theo thời hạn đã quy định như trên, Bên A sẽ bồi thường cho Bên B các thiệt hại thực tế và chi phí phát sinh (nếu có). Trong trường hợp Bên B đã tiến hành sản xuất sản phẩm theo nhu cầu của Bên A thì Bên A sẽ phải trả cho Bên B số tiền tương ứng cho sản phẩm Bên B đã giao cho Bên A

- Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp Đồng sau khi ký Hợp Đồng và không thông báo cho Bên A theo thời hạn đã quy định như trên, Bên B phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại thực tế và chi phí phát sinh (nếu có). Đồng thời, Bên B phải hoàn trả lại số tiền đã thanh toán của bên A (nếu chưa hoàn thành nghĩa vụ giao hàng tương ứng).

- Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ các quy định về giải quyết tranh chấp.

- Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, các Bên sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

11.3 Vi phạm hợp đồng:

- Trong trường hợp Bên B vi phạm bất cứ quyền và nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A. Ngoài ra, Bên B phải trả cho Bên A phạt vi phạm Hợp đồng nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

- Trong trường hợp Bên A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hơn hai mươi ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán tại khoản 8.1 của Điều 8 và Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này, Bên A phải thanh toán lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tính từ ngày nghĩa vụ thanh toán đến hạn đến ngày Bên A thực tế thực hiện việc thanh toán cho Bên B.

Điều 12: SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

12.1 Bên B hiểu và bảo đảm rằng quyền liên quan đến các đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của các tài liệu mà Bên A cung cấp cho Bên B để tạo mẫu thiết kế maquette nêu tại hợp đồng thuộc duy nhất của Bên A. Bên B cam kết không chiếm hữu, sử dụng, định đoạt các tài sản thuộc quyền sở hữu trí tuệ này của Bên A dưới bất kỳ hình thức nào.

12.2 Bên B đã ký kết bản Cam kết bảo mật và Không tiết lộ đã ký với Bên A trong thời gian thực hiện hợp đồng, Cam kết bảo mật được xem là một phần không tách rời của Hợp Đồng này. Mọi trường hợp vi phạm của Bên B đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin đã ký sẽ được xem là vi phạm Hợp Đồng này.

12.3 Bên B đồng ý và hiểu rằng mẫu thiết kế maquette được tạo lập bởi Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này thuộc toàn quyền sở hữu của Bên A.

12.4 Bên B cam kết việc cung cấp và thực hiện Hợp Đồng không vi phạm bất cứ quyền sở hữu trí tuệ nào được công nhận theo quy định pháp luật. Bên B sẽ bồi thường và tránh cho Bên A khỏi các phương hại từ bất kỳ yêu cầu và nghĩa vụ, chi phí, việc kiện tụng, thiệt hại hoặc các khoản chi trả khác mà Bên A phải chịu hoặc phải thanh toán do, hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm cố ý hoặc vô ý đến các quyền sở hữu trí tuệ của Bên B, bên thứ ba hoặc các quyền khác phát sinh ngoài việc thực hiện Hợp Đồng.

12.5 Điều khoản này tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

Điều 13: CHỐNG HỐI LỘ.

13.1 Bên B cam đoan và đồng ý rằng mình hiểu rõ các quy định pháp luật về chống hối lộ, chống tham nhũng theo quy định pháp luật Việt Nam, và cam kết rằng Bên B sẽ không vi phạm hoặc khiến cho Bên A vi phạm các quy định pháp luật trên trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.

13.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi Bên B có hành vi vi phạm quy định tại điều này. Khi đó, các quy định tại Điều 6 của Hợp Đồng này sẽ được áp dụng.

Điều 14: ĐIỀU KIỆN CHUNG

14.1 Bất khả kháng:

- Bên vi phạm Hợp đồng được miễn trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp: Xảy ra sự kiện bất khả kháng (động đất, hỏa hoạn, bão lụt...).

- Vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của Bên kia. Hành vi vi phạm của một Bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết Hợp Đồng.

14.2 Điều khoản chung:

- Hợp đồng này và các tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến Hợp Đồng này được diễn giải và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

- Trường hợp bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng (hoặc một phần của bất kỳ điều khoản nào) được bất kỳ Tòa án hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền nào khác xác định là vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi, thì điều khoản đó hoặc một phần của điều khoản đó sẽ, trong phạm vi yêu cầu, được xem như không tạo thành một phần của Hợp đồng, hiệu lực của các điều khoản khác sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp này, theo yêu cầu hợp lý của một Bên, Bên còn lại sẽ lập các văn bản bổ sung, có chữ ký xác

nhận của người đại diện có thẩm quyền của hai Bên nhằm mục đích làm cho các điều khoản đó trở thành có hiệu lực, hợp pháp và có thể thi hành

- Các Bên cam kết tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã nêu trong Hợp Đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ vấn đề nào xảy ra và/hoặc ảnh hưởng tới các điều khoản trong Hợp Đồng này, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết bằng văn bản để cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác thương lượng.

- Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải giữa các bên. Nếu sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày việc thương lượng không có kết quả thì tranh chấp này sẽ được giải quyết tại cơ quan Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mọi chi phí phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn các phí về án phí, lệ phí theo quyết định của Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.

- Hợp Đồng này chỉ có thể được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng thỏa thuận của các bên, được lập thành văn bản và do người có thẩm quyền của các bên ký kết.

Bất kỳ trao đổi nào được lập theo Hợp Đồng này giữa các bên sẽ phải bằng văn bản và được ký bởi người đại diện có thẩm quyền. Thông báo phải được chuyển bằng fax, bằng thư tay hoặc bằng dịch vụ đưa thư, gồm tên, địa chỉ người gửi, người nhận rõ ràng.

- Hợp Đồng này có 10 trang, được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]